

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày: 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên .

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2018/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với:

1. *Bị cáo:* Tống Phước N (tên gọi khác: Bọt), sinh ngày 13 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: 168 đường K, phường Ph, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Phước Hồi và bà Trương Thị Th; vợ: Văn Thị Nhật Linh; con: có 01 người con 06 tuổi.

Tiền án: 01; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 20/10/2017 đến nay. Có mặt.

Quá trình nhân thân:

- Năm 1999 bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế khởi tố về hành vi “Đánh bạc”; đến ngày 18/12/1999 được đình chỉ điều tra.

- Ngày 22/8/2000 bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 07/10/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Ngày 04/4/2006 bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”.

- Ngày 04/8/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 116/2008/HSST).

- Ngày 18/12/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 188/2014/HSPT). Đến ngày 29/11/2016 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương.

2. *Bị hại*: Bà Trương Thị Th, sinh năm 1959; địa chỉ: đường H, phường Ph, thành phố Huế. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Lê V, sinh năm 1970; địa chỉ: đường H, phường Ph, thành phố Huế. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng*:

- Anh Tống Phước Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: 168 Hùng Vương, phường Ph, thành phố Huế. Có mặt.

- Bà Trương G, sinh năm 1956; địa chỉ: 168 Hùng Vương, phường Ph, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00’ ngày 01/5/2017, Tống Phước N đi từ thôn Ngọc Anh, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang đến nhà bố mẹ của mình tại số 168 đường Hùng Vương, phường Ph, thành phố Huế. Khi đến nhà, Nam thấy có xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75F1-382.53 của bà Trương Thị Th đang dựng trước nhà, còn bà Th thì đi vắng. Lúc này, do cần tiền để trả nợ nên Nam nảy sinh ý định chiếm đoạt xe; liền đi vào trong nhà lấy chìa khóa xe để ở trên bàn, rồi đi ra lén lút mở khóa điện lấy xe chạy đi. Tiếp đó, N đưa xe đến nhà anh Lê V liên hệ cầm cố. Tin tưởng nguồn gốc tài sản nên anh Th nhận cầm cố xe mô tô 75F1-382.53 với số tiền 9.000.000 đồng. Khi cầm cố xe, Tống Phước N viết một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 với số tiền mượn là 9.000.000 đồng, rồi giao xe cùng tờ giấy này cho anh Th giữ và nhận tiền ra về. Số tiền có được, N sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75F1-382.53, số máy JF58E0257319, số khung 5800EY257205.

- Một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 có nội dung: “Tôi tên là Tống Phước N ...có mượn của anh Th số tiền là 9.000.000 đồng, để lại xe Vision 75F1-382.53 làm tin ...”.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của anh Lê V các đồ vật, tài liệu không liên quan đến vụ án này gồm: Một giấy Chứng minh nhân dân số

191456402 mang tên Tống Phước N; Một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus biển số 75F1-543.08; Một tờ “Giấy mượn tiền” (bản sao y) đề ngày 16/4/2017 có nội dung: “Tôi Tống Phước N ... có mượn anh Th số tiền là 12.000.000 đồng, có để lại xe số 75F1-543.08 ...”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐG ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75F1-382.53 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 27.000.000 đồng.

** Về xử lý vật chứng trong giai đoạn điều tra:*

- Trả lại xe mô tô biển số 75F1-382.53 cho bị hại là bà Trương Thị Th.

- Đối với một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 có nội dung: “Tôi tên là Tống Phước N ... có mượn của anh Th số tiền là 9.000.000 đồng, để lại xe Vision 75F1-382.53 làm tin ...”; và một tờ “Giấy mượn tiền” (bản sao y) đề ngày 16/4/2017 có nội dung: “Tôi Tống Phước N ... có mượn anh Th số tiền là 12.000.000 đồng, có để lại xe số 75F1-543.08 ...”, hiện đang tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án để phục vụ việc xét xử.

- Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô hiệu Yamaha Janus biển số 75F1-543.08 là do ông Tống Phước H (bố của N) đứng tên chủ sở hữu. Xe này do ông H mua vào khoảng tháng 02/2017 để cho Nam quản lý, sử dụng (ông H cho N trả góp tiền mua xe hàng tháng, N đã góp được khoảng 9.600.000 đồng). Hiện Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ về hành vi của Tống Phước N liên quan đến xe mô tô hiệu Yamaha Janus biển số 75F1-543.08 để xem xét xử lý sau. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Yamaha Janus biển số 75F1-543.08 cho người đứng tên trong giấy đăng ký xe là ông Tống Phước H; trả lại một giấy Chứng minh nhân dân số 191456402 cho Tống Phước N.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Bà Trương Thị Th không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Lê V yêu cầu Tống Phước N phải hoàn trả lại số tiền đã cầm cố xe mô tô 75F1-382.53 là 9.000.000 đồng. Hiện N chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, bị cáo Tống Phước N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là bà Trương Thị Th đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 31 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Tống Phước N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Tống Phước N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Tống Phước N 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

* Về xử lý vật chứng: Một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 có nội dung: “Tôi tên là Tống Phước N ...có mượn của anh Th số tiền là 9.000.000 đồng, để lại xe Vision 75F1-382.53 làm tin ...”; một tờ “Giấy mượn tiền” (bản sao y) đề ngày 16/4/2017 có nội dung: “Tôi Tống Phước N ... có mượn anh Th số tiền là 12.000.000 đồng, có để lại xe số 75F1-543.08 ...” tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Tống Phước N trả lại cho anh Lê V số tiền 9.000.000đồng.

* Về án phí: Bị cáo Tống Phước N phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 19 giờ 00’ ngày 01/5/2017, tại nhà số 168 Hùng Vương, phường Ph, thành phố Huế, Tống Phước N đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của bà Trương Thị Th một xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75F1-382.53 có giá trị 27.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo Tống Phước N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét thấy điều, khoản Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố theo BLHS năm 1999 có mức hình phạt giống các quy định của BLHS năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điều luật mới của BLHS năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 để xét xử đối với bị cáo Tống Phước N trong vụ án này.

[2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn có tiền tiêu xài không chính đáng nên dẫn đến việc phạm tội. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến an toàn, trật tự xã hội.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, từng nhiều lần bị xử phạt hành chính và bị xử lý hình sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Do bị cáo chưa được xóa án tích của bản án số 188/2014/HSPT ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qua những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phải xử lý bị cáo thật nghiêm, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng: Một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 có nội dung: “Tôi tên là Tổng Phước N ...có mượn của anh Th số tiền là 9.000.000 đồng, để lại xe Vision 75F1-382.53 làm tin ...”; một tờ “Giấy mượn tiền” (bản sao y) đề ngày 16/4/2017 có nội dung: “Tôi Tổng Phước N ... có mượn anh Th số tiền là 12.000.000 đồng, có để lại xe số 75F1-543.08 ...” tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 9.000.000đồng mà anh Lê V đưa cho bị cáo để nhận cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 75F1-382.53, anh Th yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên hiện bị cáo chưa trả lại nên cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền trên cho anh Th.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Tổng Phước N (tên gọi khác: Bột) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt Tổng Phước N 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 20/10/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án một tờ “Giấy mượn tiền” đề ngày 01/5/2017 có nội dung: “Tôi tên là Tổng Phước N ...có mượn của anh Th số tiền là 9.000.000 đồng, để lại xe Vision 75F1-382.53 làm tin ...”; một tờ “Giấy mượn tiền” (bản sao y) đề ngày 16/4/2017 có nội dung: “Tôi Tổng Phước N ... có mượn anh Th số tiền là 12.000.000 đồng, có để lại xe số 75F1-543.08 ...” mà cơ quan công an đã thu giữ theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 13/6/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Tổng Phước N phải trả lại cho anh Lê V số tiền 9.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày anh Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Tổng Phước N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tổng Phước N phải chịu 200.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Tổng Phước N phải chịu (9.000.000đồng x 5%) = 450.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 27 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú